TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG** Bản án số: 11/2019/DS -ST Ngày 23 tháng 8 năm 2019 "V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gạt
Ông Nguyễn Văn Quyên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bàng – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23.8.2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; Địa chỉ: 266-268 N, phường 8, Quận 3, thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N – chức vụ: CV Quản lý nợ theo Giấy ủy quyền số 3964/2018/GUQ-PL ngày 10.12.2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S và Giấy ủy quyền số 1051/2019/UQ-CNĐN ngày 15.01.2019 của Giám đốc chi nhánh Đ – Ngân hàng S . (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 15.01.2019, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề ngày 05.3.2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 20/01/2015, Ông Nguyễn Phúc T có ký với Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần S tại Thành phố Đ hợp đồng sử dung thẻ tín dụng. Căn cứ mức

thu nhập của ông T, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ ông T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 39.174.750đ, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.856.316đ. Sau nhiều lần đôn đốc ông T không thanh toán nợ nên ngày 05/4/2016 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 23.8.2019, ông T còn nợ Ngân hàng 87.235.271đ (Tám mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 37.669.391đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 23.8.2019 là 49.565.880đ. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phúc T trả dứt điểm số nợ cho Ngân hàng.

* Tại bản tự khai ngày 04.7.2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn - ông Nguyễn Phúc T trình bày:

Tôi xác nhận còn nợ Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần S tại Thành phố Đ số tiền là 87.235.271đ (Tám mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 37.669.391đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 23.8.2019 là 49.565.880đ. Thời điểm giữa năm 2018, trung tâm quản lý thẻ của Ngân hàng có điện thoại thương lượng nhắc nở tôi trả tiền gốc còn phần lãi không tính nhưng khi tôi thương lượng với Ngân hàng chi nhánh Đ thì Ngân hàng không đồng ý, vì vậy mà tôi chưa trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện tôi yêu cầu trả nợ thì tôi đồng ý trả số nợ gốc là 37.669.391đ và trả 50% tiền lãi, đối với số lãi còn lại tôi yêu cầu Ngân hàng giảm cho tôi.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm : 01 Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng của ông T (bản sao); 01 Giấy ủy quyền số 3964/2018/GUQ-PL ngày 10.12.2018 của Ngân hàng TMCP S; Giấy ủy quyền của ông Hoàng Thanh H – Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn N- chuyên viên quản lý nợ – Phòng kiểm soát rủi ro; 03 bản tóm tắt sao kê số tiền gốc và lãi; 01 Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng (bản sao), 01 bản sao CMND và sổ hộ khẩu của ông T, 01 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Ngân hàng (bản sao); 01 Bản tính lãi; Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Ngày 20.01.2015, ông Nguyễn Phúc T có ký với Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần S tại Thành phố Đ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ mức

thu nhập của ông T, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ, mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ, ông T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 39.174.750đ, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.856.316đ. Tính đến ngày 23.8.2019, ông T xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền là 87.235.271đ (Tám mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 37.669.391đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 23.8.2019 là 49.565.880đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T yêu cầu được trả nợ gốc là 37.669.391đ và trả 50% số tiền lãi, đối với số lãi còn lại ông yêu cầu Ngân hàng giảm cho ông tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý. Xét thấy, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiên yêu cầu ông T thanh toán số nợ gốc là 37.669.391đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 23.8.2019 là 49.565.880đ là đúng quy định pháp luật và có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 37.669.391đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 23.8.2019 là 49.565.880đ, đồng thời ông T phải có nghĩa vụ trả lãi tiếp theo kể từ ngày 24.8.2019 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Phúc T phải chịu theo qui định của pháp luật là 2.478.294đ (Hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng). (87.235.271đ x 5% = 2.478.294đ)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Phúc T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Phúc T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền số tiền là 87.235.271đ (Tám mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 37.669.391đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 23.8.2019 là 49.565.880đ, đồng thời ông Nguyễn Phúc T phải có nghĩa vụ trả lãi tiếp theo kể từ ngày 24.8.2019 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Phúc T phải chịu theo qui định của pháp luật là 2.478.294đ (Hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 2.018.000đ (Hai triệu không trăm mười tám nghìn) đã nộp tại biên lai thu số 2176 ngày 18.3.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 23.8.2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;